

Số: 210/KH-TrTH

Thị trấn Hát Lót, ngày 25 tháng 8 năm 2023

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 – 2024

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Công văn số 3566/BGDĐT-GDTH, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn 563/PGDĐT ngày 07/7/2021 của Phòng GD&ĐT Mai Sơn về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học ;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2022 - 2023 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2023 - 2024.

Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

## **II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024**

### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương**

Thị trấn Hát Lót được công nhận là đô thị loại IV, là trung tâm kinh tế, chính trị - xã hội của huyện Mai Sơn. Có quốc lộ 6 chạy dọc thị trấn với chiều dài trên 10km. Thị trấn có 06 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống và làm việc, 22 tiểu khu, bản; trên 60 cơ quan, đơn vị, trường học... của huyện, tỉnh đóng trên địa bàn.

Thị trấn Hát Lót có vị trí địa lý: phía bắc giáp xã Mường Bon và xã Nà Bó, phía đông giáp xã Nà Bó, phía nam giáp xã Cò Nòi và xã Hát Lót, phía tây giáp xã Hát Lót và xã Mường Bon. Thị trấn Hát Lót có diện tích 13,76km<sup>2</sup>, dân số là 17.559 người, mật độ dân số đạt 1.238 người/km<sup>2</sup>, tỉ lệ hộ nghèo là 0,8%.

Thế mạnh của thị trấn Hát Lót là dịch vụ, trên địa bàn hiện có 101 công ty, doanh nghiệp, 14 HTX và 832 hộ kinh doanh hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn. Doanh thu bình quân hàng năm ước đạt khoảng 152,03 tỷ đồng. Tiếp đó là sản xuất nông - lâm nghiệp: Duy trì trên 600 ha đất sản xuất (trong đó: Diện tích trồng cây nông nghiệp ngắn ngày 207 ha; cây ăn quả, cây công nghiệp trên 400 ha); giá trị bình quân đạt được trên một đơn vị diện tích khoảng 55 triệu/ha.

Trình độ dân trí của nhân dân trong địa bàn thị trấn khá cao, phong trào giáo dục phát triển đều cả 3 bậc học, có 3/7 trường được công nhận danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, 4/7 trường được công nhận danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Năm 2022, Thị trấn Hát Lót được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS đạt mức độ 3.

Đời sống kinh tế của nhân dân trong địa bàn thị trấn đã được từng bước nâng lên, công tác xã hội hoá giáo dục phát triển mạnh. Người dân quan tâm hơn đến việc học tập của con em, do đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục cho nhà trường. Đảng ủy, UBND và các tổ chức đoàn thể trong thị trấn Hát Lót luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn toàn thị trấn.

Năm học 2023 - 2024 là năm học thứ 4 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với học sinh khối lớp 1, 2, 3, 4. Bộ GD&ĐT đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để tiến hành triển khai thực hiện chương trình, chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm đến việc thay đổi chương trình giáo dục. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4. Đa số phụ huynh học sinh đã sẵn sàng tâm thế, tạo điều kiện tốt nhất để cho con em mình thực hiện chương trình mới.

### **2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 – 2024**

Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót đóng tại Tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là trung tâm thị trấn Hát Lót, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của huyện Mai Sơn. Học sinh ở 9 tiểu khu của thị trấn Hát Lót (gồm các tiểu khu: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 19) và đến từ các tiểu khu khác trong thị trấn, các xã khác.

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mai Sơn; Đảng ủy, chính quyền và nhân dân thị trấn Hát Lót và Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Trường tiểu học thị trấn Hát Lót đã được công nhận lại là trường Chuẩn Quốc gia mức độ II giai đoạn 2020-2025.

## 2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Năm học 2023 - 2024, tổng số học sinh trường có 1005 học sinh/25 lớp, cụ thể như sau:

| Nội dung                    | Tổng số     | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
|-----------------------------|-------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Số lớp</b>               | <b>25</b>   | 5     | 5     | 5     | 5     | 5     |
| <b>Số HS</b>                | <b>1005</b> | 208   | 159   | 217   | 201   | 220   |
| Nữ                          | <b>495</b>  | 99    | 82    | 101   | 102   | 111   |
| Số HD DT                    | <b>119</b>  | 25    | 20    | 28    | 21    | 25    |
| Số HS DT nữ                 | <b>57</b>   | 12    | 12    | 16    | 7     | 10    |
| <b>Số HS chuyển đi</b>      | <b>22</b>   |       | 5     | 4     | 10    | 3     |
| <b>Số HS chuyển đến</b>     | <b>12</b>   |       | 3     | 5     | 3     | 1     |
| <b>HS khuyết tật</b>        | <b>7</b>    | 1     |       | 2     | 2     | 2     |
| <b>HS chính sách</b>        | <b>9</b>    |       | 1     | 1     | 5     | 2     |
| <b>Số lớp học 02b/ngày</b>  | <b>25</b>   | 5     | 5     | 5     | 5     | 5     |
| Số HS học 02b/ngày          | <b>1005</b> | 208   | 159   | 217   | 201   | 220   |
| <b>Số lớp học Tiếng Anh</b> | <b>25</b>   | 5     | 5     | 5     | 5     | 5     |
| Số HS học Tiếng Anh         | <b>1005</b> | 208   | 159   | 217   | 201   | 220   |
| <b>Số lớp học Tin học</b>   | <b>20</b>   |       | 5     | 5     | 5     | 5     |
| Số HS học tin học           | <b>797</b>  |       | 159   | 217   | 201   | 220   |

Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Tỷ lệ số học sinh và số lớp được học 02 buổi/ngày, học tự chọn tin học và tiếng Anh đạt 100%; số học sinh ăn bán trú chiếm 86% số học sinh toàn trường

## 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường

- Về số lượng: Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 48 đ/c (Trong đó: biên chế 46, LĐ hợp đồng 68: 2), cụ thể như sau:

+ Cán bộ quản lý : 03 đ/c

+ Giáo viên có 40 đ/c.

+ TPT Đội: 01.

+ Nhân viên có 04 đ/c (02 LĐHĐ 68);

+ Nữ có 42 đồng chí, dân tộc có 8 đồng chí;

- Về chất lượng:

+ Về trình độ chuyên môn: Trình độ đại học 40: cao đẳng 5; trung cấp 2 (nhân viên); khác 1 (nhân viên bảo vệ)

+ Năng lực: Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 18; Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 17.

Tỷ lệ giáo viên/ lớp đạt 1,46 giáo viên/ lớp.

Số lượng đảng viên là 44/48 đ/c đạt tỷ lệ 91%. 04 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

## 2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Tổng diện tích: 8987m<sup>2</sup>, diện tích bình quân 9,56m<sup>2</sup>/học sinh; diện tích sân chơi đạt 3800m<sup>2</sup>.

Số phòng học 29/25 lớp học; diện tích bình quân 48m<sup>2</sup>/phòng học; 100% số phòng học đều kiên cố hóa cao tầng. Đủ điều kiện để tổ chức dạy học 02 buổi/ngày.

Phòng chức năng: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng y tế, 01 phòng thư viện, 01 phòng Đội, 01 phòng truyền thống, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng hành chính; 02 phòng họp; 01 nhà đa năng – giáo dục thể chất.

Bàn ghế: 510 bộ với 1.020 chỗ ngồi đạt chuẩn. 100% số lớp có bảng trượt đa năng, mạng Internet kết nối Wifi trên lớp, 100% số phòng học có tivi smart 65”, điện thấp sáng, quạt mát phục vụ hoạt động dạy học.

Phòng tin học với 40 máy tính được kết nối Internet;

Có công trình vệ sinh nam, nữ riêng cho học sinh; khu rửa tay, nguồn nước sạch (nước máy); có khu vực thu gom rác.

Khuôn viên được che phủ cây xanh, bóng mát, hệ thống bồn cây, vườn hoa, vườn thực hành.

Nhà trường có hệ thống các nhà nấu ăn bán trú, nhà ăn, ngủ bán trú đảm bảo tổ chức nấu ăn bán trú cho học sinh tại trường.

### **3. Đánh giá thực trạng**

#### **a) Thuận lợi**

- Số CBQL, GV có trình độ Đại học chiếm tỉ lệ 88%. Số giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên có đạt 81%. 100% Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và quản lý.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường đoàn kết, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có kinh nghiệm, nhiệt tình và trách nhiệm trong công tác; có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

- Học sinh trong nhà trường có truyền thống hiếu học, chăm ngoan học giỏi, lễ phép vâng lời thầy cô giáo và người lớn tuổi. Chất lượng và hiệu quả giáo dục nhà trường cao và ổn định. Tỉ lệ huy động trẻ đến trường hàng năm đạt 100%, không có hiện tượng học sinh bỏ học.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhà trường khang trang hiện đại. Cảnh quan trường luôn xanh - sạch - đẹp – an toàn.

- Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót đã được công nhận lại là trường Chuẩn Quốc gia mức độ II giai đoạn 2020-2025;

- Kinh tế địa phương ngày càng phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng, số hộ nghèo giảm. Nhân dân trên địa bàn quan tâm đến việc học tập của con em mình, thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Việc triển khai Chương trình GDPT 2018 có tác động tích cực, thúc đẩy sự chuyển biến cả trong nhận thức, sự quan tâm, đổi mới của cả hệ thống chính trị xã hội và các đơn vị giáo dục;

#### **b) Khó khăn**

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu để đảm bảo tỉ lệ dạy học 02 buổi/ngày; sĩ số tỉ lệ học sinh/lớp cao nên ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng giáo dục;

- Một số giáo viên ngại thay đổi, chưa mạnh dạn đổi mới trong dạy học.

- Còn một số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn: 05 người (Cao đẳng)

- Một số ít phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động của nhà trường. Có nhiều gia đình học sinh tạm trú trên địa bàn nên chỗ ở không ổn định. Trình độ và nhận thức của cả học sinh và PHHS trong trường không đồng đều.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhà trường nhanh xuống cấp, hỏng hóc (nhất là nền lớp học, điện quạt các lớp).

### **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024**

#### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, trường học hạnh phúc đối với học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

#### **2. Mục tiêu cụ thể:**

2.1. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng đẩy mạnh số hoá, tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong đơn vị.

Triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 chủ động, linh hoạt để thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và 4 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

2.2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất dạy học nhằm đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

2.3. Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 5 từ năm học 2024-2025. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) lớp 5.

2.4. Vận động cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học tập đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; tham gia bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CT GDPT 2018 theo lộ trình; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 5 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 5 cho năm học 2024-2025.

2.5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nề nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh nhà trường. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện địa phương.

2.6. Duy trì các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

### **3. Chỉ tiêu**

#### **2.1. Cán bộ, giáo viên:**

- Trình độ, năng lực chuyên môn: 100% cán bộ giáo viên có trình độ đại học (đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019). 81% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên.

100% CBQL, giáo viên tham gia đầy đủ, có hiệu quả các nội dung bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng năng lực theo CT GDPT mới 2018; 100% giáo viên dạy học lớp 5 tham gia bồi dưỡng về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Có 3 sáng kiến trở lên được công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

- Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng và giáo viên cuối năm học có: 100% đạt từ loại Khá trở lên, trong đó xếp loại Tốt đạt 40% trở lên;

#### **2.1. Học sinh:**

##### **\* Quy mô, mạng lưới, sĩ số học sinh:**

- Số lớp học: 25 lớp;

- Số học sinh: 1.005 học sinh;

- Duy trì sĩ số: đạt 100%;

- 100% học sinh học 02 buổi/ngày (với 9 buổi/tuần); 100% học sinh được học ngoại ngữ - môn Tiếng Anh (trong đó lớp 1, 2 học tự chọn với 2 tiết/tuần; lớp 3, 4 học Tiếng Anh với 04 tiết/tuần, lớp 5 với 03 tiết/tuần); học sinh được học tin học từ lớp 2, 3, 4, 5;

- Tổ chức cho 82% - 85% học sinh trở lên được tham gia sinh hoạt bán trú.

##### **\* Chất lượng, hiệu quả giáo dục năm học 2023-2024:**

- 100% các lớp tổ chức cho học sinh tích cực, tự nguyện tham gia các cuộc thi Giải toán, giải tiếng Anh, thi “Giữ vở sạch – Viết chữ đẹp”, thi giao lưu HSG cấp trường, Hội khỏe Phù đồng các cấp. Tham gia tích cực các phong trào và cuộc thi do cấp trên tổ chức;

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp. Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện tốt công tác ATGT;

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống và tham gia các hoạt động trải nghiệm do nhà trường, lớp học tổ chức.

- 99,5% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

+ Về các môn học và hoạt động giáo dục: 99,5% trở lên Hoàn thành hoặc Hoàn thành Tốt nội dung các môn học (trong đó Hoàn thành Tốt đạt từ 66% trở lên); Chưa hoàn thành: dưới 0,5%

+ Về năng lực và phẩm chất: 99,5% Đạt hoặc Tốt (trong đó Tốt đạt trên 80% trở lên); HS chưa Đạt về năng lực, phẩm chất phần đầu dưới 0,5%;



|                                       | TSHS<br>được ĐG | Tốt |         | Đạt |         | Cần cố gắng |         |
|---------------------------------------|-----------------|-----|---------|-----|---------|-------------|---------|
|                                       |                 | SL  | Tỉ lệ % | SL  | Tỉ lệ % | SL          | Tỉ lệ % |
| <i>Tự chủ và tự học</i>               | 785             | 740 | 94.3%   | 40  | 5.1%    | 5           | 0.6%    |
| <i>Giao tiếp và hợp tác</i>           | 785             | 740 | 94.3%   | 40  | 5.1%    | 5           | 0.6%    |
| <i>GQVĐ và sáng tạo</i>               | 785             | 740 | 94.3%   | 40  | 5.1%    | 5           | 0.6%    |
| <b>(1.3.2) Những năng lực đặc thù</b> |                 |     |         |     |         |             |         |
| <i>Ngôn ngữ</i>                       | 785             | 738 | 94.0%   | 42  | 5.4%    | 5           | 0.6%    |
| <i>Tính toán</i>                      | 785             | 745 | 94.9%   | 35  | 4.5%    | 5           | 0.6%    |
| <i>Khoa học</i>                       | 785             | 747 | 95.2%   | 35  | 4.5%    | 3           | 0.4%    |
| <i>Công nghệ</i>                      | 418             | 397 | 95.0%   | 21  | 5.0%    |             | 0.0%    |
| <i>Tin học</i>                        | 418             | 397 | 95.0%   | 20  | 4.8%    | 1           | 0.2%    |
| <i>Thẩm mỹ</i>                        | 785             | 760 | 96.8%   | 25  | 3.2%    |             | 0.0%    |
| <i>Thể chất</i>                       | 785             | 760 | 96.8%   | 25  | 3.2%    |             | 0.0%    |

**(2) Khối lớp 5 (220 HS)**

| Môn                   | Tổng số<br>HS được<br>ĐG | Hoàn thành tốt |         | Hoàn thành |         | CHT |         |
|-----------------------|--------------------------|----------------|---------|------------|---------|-----|---------|
|                       |                          | SL             | Tỉ lệ % | SL         | Tỉ lệ % | SL  | Tỉ lệ % |
| Toán                  | 220                      | 156            | 70.9%   | 64         | 29.1%   |     | 0.0%    |
| Tiếng Việt            | 220                      | 145            | 65.9%   | 75         | 34.1%   |     | 0.0%    |
| Đạo đức               | 220                      | 200            | 90.9%   | 20         | 9.1%    |     | 0.0%    |
| Khoa học              | 220                      | 175            | 79.5%   | 45         | 20.5%   |     | 0.0%    |
| LS&ĐL                 | 220                      | 175            | 79.5%   | 45         | 20.5%   |     | 0.0%    |
| Kỹ thuật              | 220                      | 200            | 90.9%   | 20         | 9.1%    |     | 0.0%    |
| Mĩ thuật              | 220                      | 190            | 86.4%   | 30         | 13.6%   |     | 0.0%    |
| Thể dục               | 220                      | 190            | 86.4%   | 30         | 13.6%   |     | 0.0%    |
| Âm nhạc               | 220                      | 190            | 86.4%   | 30         | 13.6%   |     | 0.0%    |
| Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | 220                      | 145            | 65.9%   | 75         | 34.1%   |     | 0.0%    |
| Tin học               | 220                      | 160            | 72.7%   | 60         | 27.3%   |     | 0.0%    |

**\* Các năng lực và phẩm chất**

| Các năng lực               | TSHS<br>được ĐG | Tốt |         | Đạt |         | Cần cố gắng |         |
|----------------------------|-----------------|-----|---------|-----|---------|-------------|---------|
|                            |                 | SL  | Tỉ lệ % | SL  | Tỉ lệ % | SL          | Tỉ lệ % |
| <i>Tự phục vụ, tự quản</i> | 220             | 185 | 84.1%   | 35  | 15.9%   |             | 0.0%    |
| <i>Hợp tác</i>             | 220             | 185 | 84.1%   | 35  | 15.9%   |             | 0.0%    |
| <i>Tự học, GQVĐ</i>        | 220             | 175 | 79.5%   | 45  | 20.5%   |             | 0.0%    |
| <i>Chăm học, chăm làm</i>  | 220             | 180 | 81.8%   | 40  | 18.2%   |             | 0.0%    |
| <i>Tự tin, trách nhiệm</i> | 220             | 190 | 86.4%   | 30  | 13.6%   |             | 0.0%    |
| <i>Trung thực, kỷ luật</i> | 220             | 190 | 86.4%   | 30  | 13.6%   |             | 0.0%    |
| <i>Đoàn kết yêu thương</i> | 220             | 190 | 86.4%   | 30  | 13.6%   |             | 0.0%    |



#### **IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC** (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục** (Phụ lục 1.1 kèm theo)

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.**

**2.1 Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.** (Phụ lục 1.2 kèm theo)

**2.2 Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường** (Kèm theo Phụ lục 1.3)

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường** (không có)

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.**

Theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Cụ thể:

Tuyển sinh lớp 1 : xong trước ngày 20/8/2023;

Ngày tựu trường: Thứ Hai, ngày 21/8/2023;

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023;

Học kỳ I: Từ ngày 21/8/2023 đến trước ngày 15/01/2024 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Ngay sau học kì I kết thúc đến trước ngày 25/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Trước ngày 31/5/2024;

Xét công nhận hoàn thành Chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 xong trước ngày 30/6/2024.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các khối lớp, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 - 40 phút, mỗi tuần có 9 buổi, có 32 – 35 tiết/tuần.

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

Tại Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

#### **4.1. Đối với khối lớp 1, 2, 3, 4**

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành<sup>1</sup>; công văn 3866 ngày 26/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2021-2022; công văn 344/BGDĐT ngày 24/01/2019 về việc hướng dẫn triển khai chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc<sup>2</sup>, các môn học tự chọn<sup>3</sup> theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Thực hiện theo Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp (thực hiện theo Phụ lục 2)

#### **4.2. Đối với lớp 5**

Thực hiện theo chuẩn KT-KN các môn học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông; công văn 2345/BGDĐT ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018).

- Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Thực hiện theo Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối **lớp** (thực hiện theo Phụ lục 2)

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.**

<sup>1</sup> Công văn số 1587/SGDĐT-GDMN&TH ngày 03/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 651/SGDĐT-GDMN&TH ngày 13/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn dạy môn học tự chọn tiếng Anh lớp 1, lớp 2; Công văn số 1480/SGDĐT-GDMN&TH ngày 29/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học; Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học;

<sup>2</sup> Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học và Công nghệ, Ngoại ngữ 1, Hoạt động trải nghiệm.

<sup>3</sup> Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (lớp 1, lớp 2).

- Tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phòng GD&ĐT xây dựng và thực hiện kế hoạch, chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất (phòng học, phòng chức năng, đồ dùng, thiết bị dạy học,...), đảm bảo các điều kiện cần thiết thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Thực hiện rà soát và đề xuất mua mới trang thiết bị dạy học đảm bảo theo Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 09/4/2019 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1; Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2.

- Khuyến khích giáo viên tự làm, sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tiếp và trực tuyến từ khối 1 đến khối 5. Huy động, tập trung nguồn lực trang bị tivi, máy chiếu, bảng viết, mạng Internet cho tất cả các khối lớp học và phòng học bộ môn; tập trung ưu tiên cho lớp 1, 2, 3, 4 để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

**2. Thực hiện công tác đội ngũ** (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Rà soát lại đội ngũ, có kế hoạch và lộ trình tạo điều kiện cho 05 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm hoàn thành bồi dưỡng về trình độ chuyên môn trong năm 2024; hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng về chuyên môn theo quy định.

- Kịp thời tham mưu các cấp tuyển dụng bổ sung đủ số lượng giáo viên đáp ứng dạy 02 buổi/ngày, bổ sung do giáo viên nghỉ hưu;

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; đánh giá đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng chuẩn.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

- Sử dụng giáo viên hợp lý, hiệu quả; bố trí giáo viên phù hợp với chuyên ngành đào tạo, dạy đủ số tiết; vận động giáo viên tích cực tham gia dạy bù đắp kiến thức cho học sinh; phân công giáo viên cốt cán của trường giúp đỡ giáo viên trẻ, giáo viên mới tuyển, giáo viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên. Khuyến khích giáo viên có giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; Tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực giáo viên; tạo điều kiện để giáo viên đăng kí học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Đề xuất UBND huyện tuyển dụng bố trí biên chế giáo viên đủ theo quy định;

- Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản

lý, giáo dục học sinh; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh.

### **3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

#### **3.1. Đổi mới phương pháp dạy học**

- Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tựu tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học;

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

- Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy,... vào dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020; Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

#### **3.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống**

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS. Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; đảm bảo điều kiện vệ sinh tập luyện và tuyệt đối an toàn về tính mạng cho trẻ em, học sinh trong quá trình học bơi; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng

chống bạo lực học đường.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh... vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện ngoài trời, phát triển phong trào đọc sách của học sinh

### **3.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học**

- Đối với học sinh lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT<sup>4</sup>. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT<sup>5</sup>.

- Tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên đề về đổi mới đánh giá giúp đội ngũ nhà trường nắm vững hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên (khoản 2, Điều 5, Thông tư số 27); biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

- Tổ chức khảo sát chất lượng đầu năm học đối với môn Toán và Tiếng Việt (đối với lớp 1 - những yêu cầu cần đạt Chương trình GDMN 5 tuổi) giúp giáo viên chủ nhiệm phân loại học sinh và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp; tổ chức ký cam kết chất lượng, gắn trách nhiệm của giáo viên với kết quả học tập của học sinh và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên; tăng cường hiệu quả trong đánh giá thường xuyên giúp giáo viên kịp thời phát hiện những học sinh chưa đạt được yêu cầu kiến thức - kỹ năng của từng bài học, chủ đề trong chương trình môn học để bù đắp kiến thức kịp thời, không để học sinh hỏng kiến thức. BGH kịp thời nắm bắt chất lượng học tập của học sinh từng tháng, từng học kỳ để có giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong toàn trường và chịu trách nhiệm trước nhà trường, các cấp quản lý về tình trạng học sinh “ngồi nhầm lớp”.

- Thực hiện bàn giao chất lượng học sinh theo quy định; không nhận bàn giao với những học sinh chưa hoàn thành kiến thức - kỹ năng chương trình lớp học; việc khen thưởng học sinh phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả; tránh khen thưởng tràn lan, hình thức, kém hiệu quả.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh (bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục, học bạ, hồ sơ nhà trường, giáo viên...) làm giảm thời gian làm việc và lưu trữ hồ sơ khoa học, tiện lợi giúp cho dành nhiều thời gian quan tâm đến học sinh và nâng cao hiệu quả dạy học.

### **3.4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, Tin học**

#### **a) Dạy học Tin học**

- Tổ chức dạy học môn Tin học cho 100% số học sinh từ lớp 2 đến lớp 5, trong đó: học môn Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3, lớp 4; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ

<sup>4</sup> Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT.

<sup>5</sup> Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>6</sup>. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để triển khai dạy học môn Tin học<sup>7</sup>.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>8</sup>; tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục Tin học.

- Dạy Tin học và Công nghệ lớp 3, 4 (theo CT GDPT 2018);

- Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên dạy Tin học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học Tin học ở tiểu học.

- Đẩy mạnh tổ chức cho HS tham gia các cuộc thi trên mạng (giải toán, tiếng Anh, trạng nguyên Tiếng Việt) nhằm rèn kỹ năng, thao tác xử lý máy tính cho học sinh.

### **b) Dạy học tiếng Anh**

Đối với các lớp 5 thực hiện theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ GD&ĐT. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; thời lượng học 3 tiết/tuần.

Đối với các lớp 3, 4 Tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc (tiếng Anh)<sup>9</sup>, cho 100% học sinh đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018<sup>10</sup>, Sách giáo khoa do UBND phê duyệt lựa chọn (I-learn Smart Start). Lớp 1, lớp 2 thực hiện theo Công văn 353/PGDĐT ngày 20/4/2020 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018 (Sách I-learn Smart Start).

Giáo viên tiếng Anh tham gia học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn trình độ năng lực theo quy định, đảm bảo việc tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho học sinh tiểu học đảm bảo hiệu quả. Khuyến khích việc thực hiện học tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học, truyện đọc tiếng Anh và các hoạt động trải nghiệm; tạo sân chơi giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên môn học khác cùng tham gia học tiếng Anh với học sinh.

Đầu tư trang thiết bị phòng học tiếng Anh (02 phòng), sắp xếp TKB luân phiên sử dụng tối đa 2 phòng học một cách hiệu quả. Có các giải pháp khắc phục khó khăn về giáo viên để triển khai dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1, 2.

### **3.5. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục NGLL cho học sinh.**

Tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhà trường tổ chức

<sup>6</sup> Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

<sup>7</sup> Thông báo số 360/TB-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Tráng Thị Xuân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp với các ngành về giải quyết vướng mắc trong tham mưu thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo số 280/BC-SGDĐT ngày 24/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy ngoại ngữ, Tin học ở lớp 3 năm học 2022-2023, Báo cáo số 367a/BC-SGDĐT ngày 27/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy môn tiếng Anh và Tin học lớp 3 năm học 2022-2023

<sup>8</sup> Theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019 - 2020.

<sup>9</sup> Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 và bổ sung danh mục SGK lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La.

<sup>10</sup> Công văn số 1668/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 14/8/2023 của Sở GD&ĐT hướng dẫn tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học

thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lý học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp... Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện; hình thành thói quen đọc sách, ý thức tự học, tự nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

### 3.6. Triển khai giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018<sup>11</sup>, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng đáp ứng của đơn vị; thực hiện thí điểm giáo dục STEM theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Phòng Giáo dục và Đào tạo (*triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 511/KH-PGDĐT ngày 13/6/2023 của Phòng GD&ĐT về Kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM cấp tiểu học*); tổ chức tập huấn cho CBGV toàn trường, lựa chọn nội dung thực hiện phù hợp, tổ chức sinh hoạt chuyên môn đánh giá rút kinh nghiệm việc triển khai giáo dục STEM vào cuối học kỳ I và cuối năm học.

- Đề xuất các cấp quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, sách giáo dục về giáo dục STEM để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM phù hợp với điều kiện của trường; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ, CMHS, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.

- Sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>, <https://sachgiaoduc.com/media/?bookid=stem> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định<sup>12</sup>.

- Nội dung Giáo dục STEM: là phương thức giáo dục chủ yếu dựa trên dạy học tích hợp, tạo cơ hội cho học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng tập trung thực hiện ở các môn học Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học để phát triển phẩm chất, năng lực và giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trọng cuộc sống; khuyến khích hợp thêm yếu tố nghệ thuật, nhân văn ở môn học Mĩ thuật hoặc các hoạt động giáo dục có trong chương trình nhằm mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành, hợp tác theo nhiều cách khác nhau để thúc đẩy tính sáng tạo, thẩm mỹ.

- Các hình thức tổ chức giáo dục STEM thông qua:

+ Bài học STEM (phần đầu 02 tiết/học kỳ);

+ Hoạt động trải nghiệm STEM (phần đầu 01 hoạt động/học kỳ);

<sup>11</sup> Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

<sup>12</sup> Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

+ Làm quen với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

### **3.7. Tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018**

Tiếp tục thực nghiệm và triển khai tài liệu giáo dục địa phương cấp tiểu học đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>13</sup>. Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT<sup>14</sup> với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Kế hoạch chú ý lồng ghép, tích hợp, thay thế nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

Đối với tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, do chưa có tài liệu, nên thực hiện theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo về định hướng nội dung cho các cơ sở giáo dục thực hiện bài 2, bài 3 sách giáo khoa Lịch sử và Địa lý 4; cho đến khi có Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, bố trí giảng dạy linh hoạt nội dung “Địa phương em” phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.

### **3.8. Triển khai tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1**

Tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” (Thực hiện theo Kế hoạch 940/KH-PGDĐT ngày 19/11/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo);

Tổ chức tự trường trước ngày khai giảng năm học mới 02 tuần<sup>15</sup>. Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 để thực hiện chuẩn bị tâm thế và kỹ năng học tập cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức giảng dạy, tích hợp lồng các nội dung TCTV nhằm tăng cường kỹ năng nghe - nói tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trong nhà trường; tổ chức xây dựng môi trường tiếng Việt trong trường, lớp học; thông qua các hoạt động đọc thơ, kể chuyện, múa hát, viết chữ đẹp... tạo cơ hội cho trẻ được giao tiếp tiếng Việt thường xuyên; phối hợp cùng các trường mầm non trên địa bàn tổ chức bàn giao chất lượng trẻ mầm non 5 tuổi để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho trẻ học tốt chương trình lớp 1.

Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày nhằm tăng cường thời lượng học tập trên lớp; quan tâm những học sinh chưa hoàn thành nội dung môn Tiếng Việt, đảm bảo mọi học sinh đều đạt được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo yêu cầu cần đạt của môn học.

### **3.9. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật theo Luật Người khuyết tật, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

<sup>13</sup> Công văn số 350a/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 28/02/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2021-2022; Công văn số 180/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 03/02/2023 về việc hướng dẫn sử dụng Tài liệu giáo dục địa phương cấp tiểu học.

<sup>14</sup> Công văn số 350a/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 28/02/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2021-2022;

<sup>15</sup> Công văn số 1675/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 15/8/2023 tuyển sinh học sinh lớp 1 năm học 2023 - 2024.



Tiếp tục thực hiện Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Huy động tối đa số trẻ khuyết tật học hòa nhập và triển khai thực hiện công văn số 30/SGDĐT-GDTH ngày 09/01/2017 của Sở GDĐT Sơn La về hướng dẫn giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường tiểu học.

### **3.10. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày**

Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cho 100% học sinh toàn trường.

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn, xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu học sinh; tuân thủ nguyên tắc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Kế hoạch đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình, tạo điều kiện để học sinh được học các môn tự chọn.

Thời khóa biểu sắp xếp khoa học, hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, với 09 buổi/tuần. Thời lượng 07 – 08 tiết/ngày. Học sinh được tự học có sự hướng dẫn của giáo viên để hoàn thành nội dung học tập tại lớp.

Dạy học các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn; tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ năng khiếu, hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm sáng tạo...

Tổ chức bán trú phù hợp điều kiện đảm bảo thuận lợi cho học sinh tham gia học 02 buổi/ngày tại trường, tổ chức các hoạt động giải trí trong thời gian nghỉ trưa một cách bổ ích.

Tham mưu với chính quyền địa phương tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để bảo đảm các điều kiện cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới.

### **4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục**

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý trường học; Triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành và triển khai Chính phủ điện tử theo hướng đồng bộ, kết nối liên thông; hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước về giáo dục tiểu học. Phát huy hiệu quả Website của nhà trường và các phần mềm, ứng dụng, các tiện ích của internet phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Tăng cường giao lưu chia sẻ học tập kinh nghiệm quản lý và dạy học cho đội ngũ với đơn vị trường bạn.

### **5. Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, kiểm định chất lượng giáo dục; Duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2**

Triển khai thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22.3.2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ

cập giáo dục, xóa mù chữ; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24.3.2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Huy động trẻ em đúng 6 tuổi (sinh năm 2017) ra lớp 1: 207/207 học sinh (đạt 100%); Duy trì kết quả PCGDTH-CMC và PCGDTH đúng độ tuổi.

Triển khai các biện pháp thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phần đầu hoàn thiện các chỉ số và tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đã được đoàn đánh giá ngoài chỉ ra. Duy trì các tiêu chí đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2;

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Hiệu trưởng:**

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **2. Đối với Phó hiệu trưởng:**

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 – 8 tiết/ngày; 9 buổi/tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, 2, 3, 4 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn:**

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

#### **4. Đối với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn:**

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

#### **5. Đối với Tổng phụ trách Đội:**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

#### **6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị:**

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 của Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- UBND thị trấn Hát Lót (b/c);
- BGH, Tổ trưởng;
- Toàn thể CBGV, NV;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Minh Tú**

**PHỤ LỤC IV. TỔ CHỨC<sup>21</sup> CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC** (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

**1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)**

| TT                                      | Hoạt động giáo dục            | Số tiết lớp 1 |            |            | Số tiết lớp 2 |            |            | Số tiết lớp 3 |            |            | Số tiết lớp 4 |            |            | Số tiết lớp 5 |            |            |
|---|-------------------------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|
|   |                               | Tổng          | HKI        | HKII       | Tổng          | HKI        | HKII       | Tổng          | HKI        | HKII       | Tổng          | HKI        | HKII       | Tổng          | HKI        | HKII       |
| <b>1. Môn học bắt buộc</b>              |                               |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 1                                       | Tiếng Việt                    | 420           | 216        | 204        | 350           | 180        | 170        | 245           | 126        | 119        | 245           | 126        | 119        | 280           | 144        | 136        |
| 2                                       | Toán                          | 105           | 54         | 51         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         |
| 3                                       | Ngoại ngữ (Tiếng Anh)         |               |            |            |               |            |            | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         |               |            |            |
| 4                                       | Đạo đức                       | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 5                                       | Tự nhiên và xã hội/Khoa học   | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 6                                       | Lịch sử & Địa Lí              |               |            |            |               |            |            |               |            |            | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 7                                       | Tin học & Công nghệ           |               |            |            |               |            |            | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |               |            |            |
| 8                                       | Giáo dục thể chất             | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 8.1                                     | Nghệ thuật (Âm nhạc)          | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 8.2                                     | Nghệ thuật (Mỹ thuật)         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 9                                       | Kĩ thuật                      |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            | 35            | 18         | 17         |
| 10.1                                    | HD trải nghiệm                | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         |               |            |            |
| 10.2                                    | HD GDNLLL                     |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            | 35            | 18         | 17         |
| <b>2. Môn học tự chọn</b>               |                               |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 11                                      | Tiếng Anh                     | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |               |            |            |               |            |            | 105           | 54         | 51         |
| 12                                      | Tin học                       |               |            |            | 35            | 18         | 17         |               |            |            |               |            |            | 35            | 18         | 17         |
| <b>3. Hoạt động củng cố, tăng cường</b> |                               |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 13                                      | HD học (Củng cố toán, T.Việt) | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         |
| 14                                      | HĐTT/GDKNS/HĐTH               | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| <b>Tổng</b>                             |                               | <b>1.120</b>  | <b>576</b> | <b>544</b> | <b>1.120</b>  | <b>576</b> | <b>544</b> | <b>1.155</b>  | <b>594</b> | <b>561</b> | <b>1.155</b>  | <b>594</b> | <b>561</b> | <b>1.155</b>  | <b>594</b> | <b>561</b> |

**1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học. (Phụ lục 1.2)**

| Tháng    | Chủ điểm  | Nội dung trọng tâm  | Hình thức tổ chức   | Thời gian thực hiện                        | Người thực hiện                                  | Lực lượng cùng tham gia                               |
|----------|---|---|---|--|--|---|
| Tháng 9  | <b>Chủ đề 1:</b><br><i>Em và mái trường mến yêu</i>                 | - Tổ chức tốt văn nghệ và nghi lễ chào mừng khai giảng,   | - Văn nghệ học sinh, giáo viên  | 22/8 – 5/9                                 | - GV âm nhạc<br>- GV TPT đội                     | - GVCN các lớp  |
|          |   | - Tổ chức tập múa hát, tập thể dục giữa giờ   | - Giờ ra chơi, cả trường tập  | - Tuần 1: Tập TD<br>- Tuần 2: Múa tập thể  | - GV Thể dục<br>- GV TPT đội và GV âm nhạc       | - GVCN các lớp  |
|          |   | - Triển khai nội dung giáo dục: Yêu tổ Quốc, yêu đồng bào.<br>- Giáo dục truyền thống nhà trường. | - Sinh hoạt dưới cờ. Múa hát chủ đề truyền thống nhà trường.<br>- Giới thiệu 1 cuốn sách hay.<br>- Tuyên truyền về ATGT<br>- Sinh hoạt đội, sao | - Tuần 1 - 4<br>- Các giờ chào cờ đầu tuần | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội            | - GVCN khối 4, 5<br>- Mời CSGT huyện đến tuyên truyền |
|          |   | - Hoạt động trải nghiệm: "Đêm hội trăng rằm".   | - Toàn trường (khối – lớp)  |  | - TPT đội<br>- GVCN                              | - Các đoàn thể  |
| Tháng 10 | <b>Chủ đề 2:</b><br><i>Vì một cuộc sống an toàn</i>                 | - Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10  | - Tuyên truyền măng non<br>- Tổ chức giao lưu bóng chuyền hơi   | 1/10 – 31/10                               | - Liên đội<br>- Công đoàn                        | - Giao lưu với CĐ các trường trên địa bàn             |
|          |   | - Tuyên truyền ngày phòng cháy chữa cháy.   | - Phát thanh măng non<br>- Sinh hoạt dưới cờ (mời đội CS PCCC về tuyên truyền, nói chuyện).   | - Từ tuần 1 - 4                            | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội            | - Mời CSPCCC huyện đến tuyên truyền                   |
| Tháng 11 | <b>Chủ đề 3:</b><br><i>Kính yêu thầy cô – Thân thiện với bạn bè</i> | - Phát động các phong trào thi đua chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20.11                         | - Vẽ tranh Chào mừng 20/11  |  | - Liên đội<br>- Đoàn thanh niên<br>- GV mỹ thuật |   |
|          |   | - Tuyên truyền thực hành tiết kiệm điện<br>- Các ND trong chương trình TN thuộc chủ đề 3          | - Sinh hoạt dưới cờ   | - Từ tuần 1 - 4                            | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội            | - Mời điện lực Mai Sơn                                |

| Tháng    | Chủ đề  | Nội dung trọng tâm   | Hình thức tổ chức                                | Thời gian thực hiện            | Người thực hiện                       | Lực lượng cùng tham gia   |
|----------|---|--|--|--------------------------------|---------------------------------------|---|
| Tháng 12 | <b>Chủ đề 4:<br/>Truyền thống quê em</b>                  | - Tổ chức thăm viếng Nghĩa trang LS – Tượng đài TNXP ngã ba Cò Nòi   | - Thăm quan                                      | - Từ 14 – 22/12                | - TPT đội.<br>- GV khối 4             | - Phụ huynh h/s<br>- Các tổ chức đoàn thể khác trong trường               |
|          |   | - Nói chuyện về những tấm gương sáng   | - Sinh hoạt dưới cờ                              | 1/12 – 31/12                   | Các lớp trực tuần                     | - TPT, giáo viên âm nhạc  |
|          |   | - Thi Hội khoẻ phù đồng chào mừng 22/12  | - Hội thi các cấp                                | 15/12 – 20/12                  | GV thể dục                            | - GV Thể dục<br>- GVCN  |
|          |   | - Ôn lại truyền thống: “Đội em mang tên người anh hùng”<br>- Các nội dung trong chương trình TN thuộc chủ đề 4 | - Sinh hoạt dưới cờ                              | 1/12 – 31/12                   | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội | - GVCN các lớp đội  |
| Tháng 01 | <b>Chủ đề 5:<br/>Chào năm mới (Mừng đặng – mừng xuân)</b> | - Kể chuyện Bác Hồ với những mùa xuân<br>- Các nội dung trong chương trình TN thuộc chủ đề 5                   | - Sinh hoạt dưới cờ                              | - Từ tuần 1 - 4                | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội |   |
|          |   | - HĐ VN – TDTT chào mừng năm mới   | - Thi (giao lưu)                                 | 1/1 – 31/1                     | - GV thể chất<br>- GV Âm nhạc         | - Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.                                  |
|          |   | - Các hoạt động Trải nghiệm thực tế  | - Trải nghiệm tập trung<br>- Sinh hoạt đội - sao | 15 -20/1/2023                  | - TT CM các khối<br>- GVCN các lớp    | - Các đoàn thể trong nhà trường, phụ huynh h/s...                         |
| Tháng 02 | <b>Chủ đề 6:<br/>Chăm sóc và phục vụ bản thân</b>         | - Các nội dung trong chương trình TN thuộc chủ đề 6<br>- GD lòng biết ơn người chiến sỹ ngành y                | - Sinh hoạt dưới cờ<br>- Sinh hoạt đội - sao     | - Từ tuần 1 – 4<br>- Ngày 27/2 | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội | - Mời đại diện bệnh viện Mai Sơn (Trạm y tế thị trấn) tham gia nói chuyện |

| Tháng    | Chủ đề   | Nội dung trọng tâm  | Hình thức tổ chức  | Thời gian thực hiện                 | Người thực hiện   | Lực lượng cùng tham gia  |
|----------|--|---|--|-------------------------------------|---|--|
| Tháng 03 | <b>Chủ đề 7:</b><br><i>Yêu thương gia đình – Quý trọng phụ nữ</i>    | - Các hoạt động chào mừng ngày 8/3; ngày 26/3 (VN; TDTT; ...): Tổ chức cuộc thi văn nghệ chào mừng 08/3 và 26/3<br>- Giáo dục học sinh lòng biết ơn và tình yêu thương đối với GD, cha mẹ, thầy cô ...<br>- Ngày hội tiến bước lên Đoàn | - Thi giữa các lớp<br>- Giao lưu VN – TDTT ...<br>- Sinh hoạt dưới cờ<br>- Sinh hoạt đội - sao                               | - Từ tuần 1 – 4<br>- Ngày 8/3; 26/3 | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội<br>- Công đoàn<br>- Đoàn thanh niên | - Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.<br>- TPT đội và GVCN                  |
| Tháng 04 | <b>Chủ đề 8:</b><br><i>Môi trường xanh – Cuộc sống xanh</i>          | - Các nội dung trong chương trình TN thuộc chủ đề 8<br>- Tổ chức ngày hội đọc sách<br>- Ôn lại truyền thống Đội<br>- Kể chuyện Bác Hồ   | - Sinh hoạt dưới cờ<br>- Sinh hoạt đội – sao<br>- Toàn trường<br><br>- Thi KC trong lớp, trong khối lớp (trường, các cấp...) | - Từ tuần 1 – 4<br><br>- Tuần 3     | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội<br>- GVCN các lớp                   | - GVCN các lớp<br>- GV Âm nhạc; GVTC<br>- GVCN các lớp<br>- BGH + các đoàn thể |
| Tháng 05 | <b>Chủ đề 9:</b><br><i>Những người sống quanh em (Nhớ ơn Bác Hồ)</i> | - Các nội dung trong chương trình TN thuộc chủ đề 9   | - Sinh hoạt dưới cờ<br>- Sinh hoạt đội – sao   | - Từ tuần 1 – 4                     | - Các GVCN lớp trực tuần<br>- TPT đội                                     | - GVCN các lớp<br>- GV Âm nhạc; GVTC   |
|          |  | - Liên hoan cháu ngoan Bác Hồ   | - Đội - Sao  | - Tuần 3                            | - TPT đội<br>- Các lớp đội - sao  | - GV Âm nhạc; GVTC; Đoàn TN  |
|          |  | - Tổng kết năm học.   | - Toàn trường  | - Tuần 4                            | - GVCN các lớp  | - GV Âm nhạc; GVTC; Các đoàn thể   |



**2.2 Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (Phụ lục 1.3)**

| STT | Nội dung   | Hoạt động  | Đối tượng/quy mô   | Thời gian  | Địa điểm  | Ghi chú |
|-----|--|--|--|--|---|---------|
| 1   | Hướng học sinh theo nội dung phát triển phẩm chất của các chủ đề: <i>Yêu nước; Nhân ái; Chăm chỉ; Trách nhiệm; Trung thực</i>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lau bàn ghế, bát đũa trước khi ăn. Cát bát đũa, quét nhà sau khi ăn.</li> <li>- Xếp chăn chiếu, gối sau khi ngủ dậy</li> <li>- Thực hành rửa tay bằng xà phòng đúng cách, cách đánh răng, rửa mặt, cách xếp quần áo, đồ dùng học tập.</li> <li>- Chăm sóc cây và hoa, trong vườn trường.</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh các khối lớp trong nhà trường</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau các buổi học chính khóa; trước và sau bữa ăn bán trú; sau giờ ngủ trưa ...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phòng ăn, phòng ngủ</li> <li>- Trong khuôn viên trường, lớp học ...</li> </ul> |         |
| 2   | Thực hiện chủ đề về các năng lực:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung (<i>năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>)</li> <li>- Năng lực đặc thù (<i>năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất</i>)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hoạt động đọc sách trong thư viện sau giờ ăn trưa, sau giờ học chính khóa...</li> <li>- Thực hành thi cắm hoa theo nhóm, (lớp) nhân ngày 20/11 hay 8/3...</li> <li>- Tổ chức các trò chơi dân gian: kéo co, ô ăn quan; nhảy lò cò ...</li> <li>- Biết thực hành nhận lỗi, nói lời xin lỗi, nói lời cảm ơn...</li> <li>- Thực hành giúp đỡ người khác, có kỹ năng giao tiếp với người thân, thầy cô và bạn bè</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh các khối lớp trong nhà trường</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau các buổi học chính khóa; trước và sau bữa ăn bán trú; sau giờ ngủ trưa ...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phòng ăn, phòng ngủ</li> <li>- Trong khuôn viên trường, lớp học ...</li> </ul> |         |

**Ghi chú:** Căn cứ vào các điều kiện thực tế, nhà trường có thể lựa chọn các hoạt động: như: Hoạt động đọc sách tại thư viện, vui chơi tự do của học sinh trong khuôn viên nhà trường; Câu lạc bộ sở thích, năng khiếu tự nguyện; Tổ chức ăn, nghỉ; Tổ chức các hoạt động giáo dục trước/trong/sau thời gian học sinh ăn, nghỉ;... và ghi vào cột “Nội dung”.

